TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂY SƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2020/DS-ST
Ngày: 29-5-2020
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY SƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Minh Trí
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Bùi Đức Thuận
2. Bà Cao Thị Chinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Phước – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn tham gia phiên tòa: Ông Trần Bình Phương – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện TS xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2020/TLST-DS ngày 02 tháng 01 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2020/QXXST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2020/QĐST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hồ Thị Thúy H – Sinh năm 1971

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Hồ Thị Minh Á – sinh năm 1963

Cùng địa chỉ: Thôn ThG 2, xã TG , huyện TS, tỉnh Bình Định.

Bị đơn: Bà Lê Thị Mỹ L – sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn ThG 1, xã TG, huyện TS, tỉnh Bình Định.

Nguyên đơn đại diện theo ủy quyền bà Á có mặt, bị đơn bà L vắng mặt lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 07/10/2019 của nguyên đơn bà Hồ Thị Thúy H và đại diện theo ủy quyền của bà H là bà Hồ Thị Minh Á trình bày:

Giữa bà Hồ Thị Thúy H và bà Lê Thị Mỹ L là chỗ quen biết nhau nên bà H có cho bà L vay 02 lần tiền, cụ thể. Lần 1: Ngày 6/11/2011 (AL) số tiền 10.000.000 đồng; Lần 2: Ngày 29/12/2012 (AL) số tiền 14.000.000 đồng. Cả hai lần vay bà L đều có viết giấy nợ cho bà H, trong giấy nợ không ghi thời hạn trả nợ, không ghi lãi suất nhưng hai bên có thỏa thuận miệng lãi suất 20%/năm. Cả hai lần vay chỉ một mình bà L vay không có chồng bà L cùng vay. Tổng cộng 02 giấy nợ số tiền là 24.000.000 đồng, ngoài 02 giấy nợ trên không còn giấy nợ nào khác. Từ khi vay đến nay bà L chưa trả cho bà H tiền gốc hay tiền lãi, bà H đã đòi nhiều lần nhưng bà L không trả nợ. Nay bà H khởi kiện yêu cầu bà L phải trả số nợ 24.000.000 đồng tiền gốc một lần và tính lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày vay cho đến khi Tòa án xét xử.

Tại bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Lê Thị Mỹ L trình bày:

Bà và bà Hồ Thị Thúy H có quen biết nhau nên vào ngày 6/11/2011 (AL) bà có vay của bà H số tiền 10.0000.000 đồng, bà có viết giấy nợ cho bà H, không ghi thời hạn trả nợ, trong giấy không ghi lãi suất nhưng hai bên thỏa thuận miệng là 600.000 đồng/tháng. Khi vay chỉ một mình bà vay không có chồng bà, từ khi vay đến năm 2018 cứ một năm bà trả tiền lãi cho bà H là 7.200.000 đồng/năm. Năm 2019 bà trả tiền lãi cho bà H 1.000.000 đồng mà chưa trả tiền gốc, ngoài ra bà không còn mượn khoản tiền nào của bà H nữa. Bà H khởi kiện bà 02 giấy nợ: Giấy nợ 10.000.000 đồng ngày 6/11/2011 (AL) bà đồng ý trả nợ theo giấy nợ này, còn giấy nợ 14.000.000 đồng ngày 29/12/2012 (AL) bà không đồng ý, chữ viết chữ ký trong giấy nợ 14.000.000 đồng đúng là chữ viết chữ ký của bà. Lý do có giấy nợ 14.000.000 đồng này là từ số tiền nợ 10.000.000 đồng, cuối năm 2012 bà chốt lại số nợ của bà H thì bà còn nợ 10.000.000 đồng tiền gốc và 4.000.000 đồng tiền lãi nên bà mới viết giấy nợ 14.000.000 đồng mà quên không xé giấy nợ 10.000.000 đồng ngày 6/11/2011 vì nghĩ chỗ chị em. Khi bà trả tiền lãi 4.000.000 đồng cho bà H chỉ có bà và bà H, ngoài ra không có ai biết, bà không có chứng cứ nào chứng minh cho việc đã trả tiền của giấy nợ 14.000.000 đồng. Nay bà H yêu cầu bà trả số tiền 10.000.000 đồng và số tiền 14.000.000 đồng, tổng cộng 24.000.000 đồng và trả lãi thì bà chỉ đồng ý trả khoản nợ 10.000.000 đồng ngày 6/11/2011 (AL) và xin trả dần mỗi tháng 1.000.000đ/tháng cho đến khi hết nợ, còn tiền lãi bà xin không trả vì hiện nay bà khó khăn không có khả năng trả nợ một lần. Còn khoản nợ 14.000.000 đồng ngày 29/12/2012 (AL) bà không đồng ý trả yêu cầu Tòa xem xét.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TS phát biểu việc tuân thủ pháp luật về tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử (HĐXX) nghị án:

- Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tuân thủ đúng theo qui định của

pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 71 BLTT Dân sự năm 2015 và chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

Tuy nhiên, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ được quy định tại các điều 70,72 BLTT Dân sự năm 2015.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị*:

Căn cứ Điều 357, 463, 468, 469 BLDS năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị Thúy H, buộc bà Lê Thị Mỹ L phải trả cho bà H số tiền còn nợ gốc là 24.000.000 đồng và tiền lãi, lãi suất 10%/năm được bà Á đồng ý, thời gian tính lãi từ ngày nguyên đơn có đơn khởi kiện đến ngày xét xử sơ thẩm.

Bác yêu cầu của bà Lê Thị Mỹ L chỉ còn nợ của bà H số nợ 10.000.000 đồng; xin trả nợ dần mỗi tháng 1.000.000 đồng và xin không trả tiền lãi vì không được nguyên đơn chấp nhận. Về án phí dân sự sơ thẩm bà L phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Hồ Thị Thúy H khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Lê Thị Mỹ L trả nợ theo giấy vay ngày 6/11/2011 (AL) và ngày 29/12/2012 (AL), bị đơn bà L không đồng ý nên phát sinh tranh chấp. Yêu cầu khởi kiện của bà H thuộc một trong các trường hợp tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TS được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên yêu cầu khởi kiện của bà H được chấp nhận.

Về sự vắng mặt của bị đơn bà Lê Thị Mỹ L. Căn cứ quy định tại các điểm b, d khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Giữa bà B à Hồ Thị Thúy H và bà Lê Thị Mỹ L là chỗ quen biết nhau nên bà H có cho bà L vay 02 lần tiền, cụ thể: Ngày 6/11/2011 (AL) vay số tiền 10.000.000 đồng và ngày 29/12/2012 (AL) vay 14.000.000 đồng, tổng cộng 24.000.000 đồng. Cả hai lần vay bà L đều viết giấy nợ cho bà H, không ghi thời hạn trả nợ, không ghi lãi suất. Từ khi vay đến nay bà L chưa trả nợ gốc và lãi cho bà H , bà H đã đòi nhiều lần nhưng bà L không trả nợ, nay bà H yêu cầu bà L phải trả nợ số tiền gốc là 24.000.000 đồng một lần và tính lãi. Bà L chỉ đồng ý còn nợ bà H số tiền gốc là 10.000.000 đồng, xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng và xin không trả lãi.

Xét hợp đồng vay tài sản giữa bà H và bà L được xác lập ngày 6/11/2011 (AL) và ngày 29/12/2012 (AL) là hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi theo quy định tại khoản 1 Điều 477 Bộ luật dân sự (BLDS) năm 2005, đến nay các bên chưa thực hiện xong mà có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của khoản 1 Điều 469 BLDS năm 2015, nên HĐXX áp dụng quy định Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình nguyên đơn bà H đã cung cấp chứng cứ là Giấy mượn tiền ngày 6/11/2011 (AL) số tiền 10.000.000 đồng và ngày 29/12/2012 (AL) số tiền 14.000.000 đồng do bà L viết và ký vào giấy nhận nợ. Bị đơn bà L cũng công nhận 02 giấy mượn tiền trên đều do bà viết và ký nhưng bà chỉ đồng ý trả nợ của giấy ngày 6/11/2011 (AL) số tiền 10.000.000 đồng mà không đồng ý trả của giấy nợ ngày 29/12/2012 (AL) số tiền 14.000.000 đồng vì cho rằng xuất phát từ số tiền nợ 10.000.000 đồng, cuối năm 2012 bà chốt lại số nợ của bà H thì bà còn nợ 10.000.000 đồng tiền gốc và 4.000.000 đồng tiền lãi nên bà mới viết giấy nợ 14.000.000 đồng mà quên không xé giấy nợ do tin tưởng chỗ quen biết nhưng bà không có chứng cứ chứng minh cho việc nại của mình được quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà H đã đòi nhiều lần nhưng bà L không trả nợ là bà L đã vi phạm hợp đồng nên yêu cầu của bà H được HĐXX chấp nhận. Do đó, buộc bà L phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà H số tiền nợ gốc 24.000.000 đồng là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2] Về lãi suất: Hai bên thừa nhận trong hợp đồng vay không ghi lãi suất, nguyên đơn cho rằng hai bên có thỏa thuận miệng lãi suất 20%/năm nhưng bị đơn bà L không thừa nhận, còn bị đơn bà L cho rằng hai bên thỏa thuận miệng là 600.000 đồng/tháng, năm 2013 bà có chơi huê của bà H, gồm 12 người, mới chơi được 1-2 kì thì bà H cho bà hốt huê, bà hốt được hơn 20.000.000 đồng nên trả cho bà H 4.000.000 đồng tiền lãi. Sau đó cứ 01 tháng bà trả cho bà H 600.000 đồng/tháng tiền lãi trả đến năm 2018 là 7.200.000 đồng và năm 2019 trả 1.000.000 đồng tiền lãi nhưng bà L không có chứng cứ chứng minh cho việc trả lãi của mình và không được nguyên đơn thừa nhận, nên HĐXX không chấp nhận yêu cầu về việc trả lãi của bà L.

Đối với việc nguyên đơn bà H yêu cầu bà L phải trả tiền lãi của khoản vay 24.000.000 đồng là có căn cứ để chấp nhận. Tuy nhiên bà H yêu cầu tính lãi từ khi vay đến ngày xét xử sơ thẩm là không có căn cứ chấp nhận, vì hợp đồng vay giữa hai bên là hợp đồng vay không có kỳ hạn và không có lãi được quy định tại khoản 1 Điều 469 BLDS, thời gian tính lãi suất được tính kể từ ngày nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ. Tại phiên tòa hôm nay bà Á đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà H đồng ý mức lãi suất là 10%/năm và cho rằng từ năm 2012 đến nay bà H liên tục đòi bà L trả nợ nhưng bà H không có chứng cứ thể hiện là đã đòi nợ bà L, đến ngày 07/10/2019 bà H mới có đơn khởi kiện là kể từ ngày quyền và lợi ích hợp pháp của bà bị xâm phạm, do đó HĐXX xác định thời gian tính lãi là ngày 07/10/2019 là ngày Tòa án nhận đơn khởi kiện của bà H nên bà L phải trả cho bà H tiền lãi trên nợ gốc quá hạn theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của BLDS năm 2015 (10%/năm tương đương 0,83%/tháng) được tính từ ngày bà H có đơn khởi kiện là

ngày 7/10/2019 trên số tiền chậm trả tại thời điểm trả nợ là ngày 29/5/2020 tương ứng với thời gian chậm trả nợ gốc, được tính như sau:

24.000.000đ x 0,83%/tháng x 7 tháng 22 ngày = 1.540.480 đồng.

Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi bà Linh phải trả cho bà H là: 25.540.480 đồng (tiền gốc 24.000.000 đ + tiền lãi 1.540.480 đ).

[2.3] Đối với yêu cầu của bà L xin trả nợ dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ và xin không trả tiền lãi vì hiện nay bà khó khăn không có khả năng trả nợ một lần. Yêu cầu của bà L không được nguyên đơn chấp nhận và không phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX không chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H được HĐXX chấp nhận nên theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14, bị đơn bà Lê Thị Mỹ L phải chịu 1.277.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả 600.000 đồng tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn do bà Hồ Thị Minh Á nộp theo biên lai thu số 0006516 ngày 02/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TS.

[4] Lời phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TS tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của HĐXX.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào các Điều 357, 463, 466, 468, 469 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị Thúy H về việc yêu cầu bà Lê Thị Mỹ L phải trả số tiền vay ngày 6/11/2011 (AL) và ngày 29/12/2012 (AL).

2. Buộc bà Lê Thị Mỹ L phải có nghĩa vụ trả cho bà Hồ Thị Thúy H số tiền 25.540.480 đồng *(Hai mươi lăm triệu năm trăm bốn mươi nghìn bốn trăm tám mươi đồng)* trong đó tiền gốc là 24.000.000 đồng, tiền lãi là 1.540.480 đồng.

Kể từ ngày bà Hồ Thị Thúy H có đơn yêu cầu thi hành án mà bà Lê Thị Mỹ L không thi hành hoặc thi hành chưa đầy đủ số tiền trên thì bà L còn phải trả tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3. Bác lời nại của bà Lê Thị Mỹ L chỉ còn nợ bà Hồ Thị Thúy H 10.000.000 đồng; Yêu cầu được trả dần tiền gốc và không trả lãi là không có căn cứ vì không được nguyên đơn chấp nhận.

4. Về án phí:

Bà Lê Thị Mỹ L phải chịu tiền án ph ídân sự sơ thẩm 1.277.000 đồng.

Ho àn trả cho nguyên đơn 600.000 đồng tiền tạm ứng án phí do bà Hồ Thị Minh Á đã nộp theo biên lai thu số 0006516 ng ày 02/01/2020 của Chi cục thi h ành án dân sự huyện TS.

5. Về quyền kháng cáo: Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 29/5/2020, đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết, để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện TS;
- Chi cục THA dân sự H.TS;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Minh Trí

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Minh Trí